

Chương 5

Quản lý rủi ro cực đoan khí hậu ở cấp địa phương

Tác giả chính:

Lê Quang Trí

Đồng tác giả:

Lê Anh Tuấn, Nguyễn Hiếu Trung, Đặng Kiều Nhân, Văn Phạm Đăng Trí, Nguyễn Thanh Bình, Đào Trọng Tứ, Lâm Thị Thu Sửu, Nguyễn Thị Khanh, Đinh Diệp Anh Tuấn

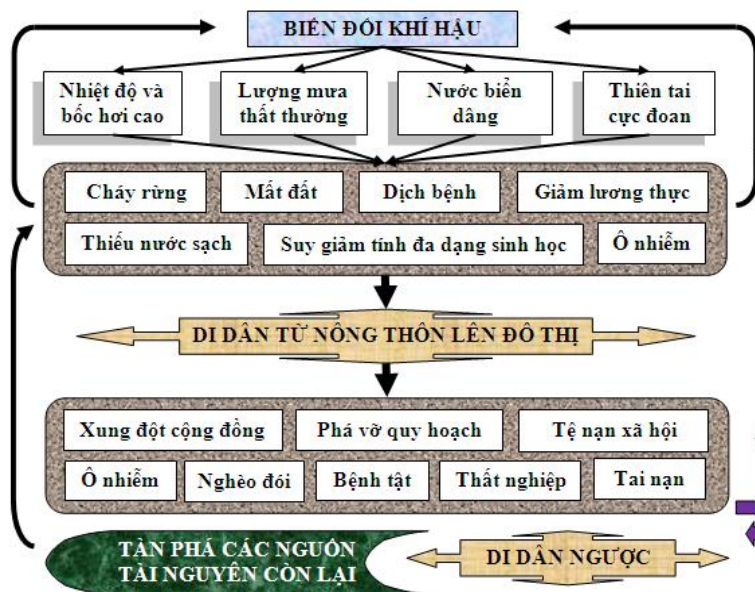
5.1. Giới thiệu:

- Tầm quan trọng của **cấp địa phương** trong quản lý rủi ro cực đoan khí hậu
- **Cấp địa phương** liên quan đến thiên tai hay những hiện tượng cực đoan trong báo cáo này là đề cập đến **cấp vùng, cấp tỉnh/thành phố, cấp quận/huyện, cấp phường/xã và thôn/bản**
- Chương 5 trình bày tầm quan trọng của các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội và cộng đồng địa phương trong việc QLRRTT
- Trọng tâm chương này thảo luận 3 chủ đề:
 - (i) Cách quản lý những rủi ro của thiên tai hiện tại;
 - (ii) Tác động của các hiện tượng khí hậu cực đoan đến an ninh con người ở cấp địa phương; và
 - (iii) Khả năng ứng phó, thích nghi, giảm nhẹ tổn thương và quản lý rủi ro thiên tai và khí hậu cực đoan ở cấp địa phương.
- Các chủ đề này được trình bày từ Mục 5.2 đến 5.7

5.2. Ứng phó với rủi ro thiên tai hiện nay ở địa phương

- 5.2.1. Trợ giúp khẩn cấp và cứu trợ thiên tai
- 5.2.2. Di dân
- 5.2.3. Phục hồi và tái thiết
- Những điểm nhấn quan trọng của Mục 5.2 là:
 - Ví dụ , Oxfam, World Vision và UNICEF đã giúp người dân tại Ninh Thuận chống chọi với hạn hán thông qua cung cấp lương thực, nước, đồ chứa, hạt giống và cải tạo nguồn nước (Oxfam GB và nnk, 2005).
 - Sau trận lụt kép tháng 10-11/2009, Oxfam Hong Kong đã triển khai dự án “Cứu trợ nhân đạo cho lụt miền Trung tại Hà Tĩnh” với ngân sách 669.480 USD với mục tiêu “giảm tác hại của lũ lụt tại các huyện hay có nguy cơ và bị thiệt hại nặng nề nhất tại Hà Tĩnh”.
 - Ví dụ, để đối phó với cơn bão Damrey (cơn bão số 7 năm 2005), huyện Hậu Lộc (tỉnh Thanh Hóa) đã sơ tán được 29.000 dân trong vòng 3 ngày trước bão (từ ngày 24 đến ngày 26/9/2005) lên các nhà kiên cố cao tầng trong thôn, trường học và khu hành chính ở thị trấn (JANI, 2011)
 - Chương trình “Phục hồi và tái thiết sau bão Ketsana” (Plan and World Vision, 2010) với kinh phí 1,1 triệu USD được hai tổ chức PLAN tại Việt Nam và tổ chức Tầm nhìn Thế giới Việt Nam (World Vision Việt Nam) triển khai tại các tỉnh Quảng Trị, Quảng Nam, Quảng Ngãi và Kon Tum

Hình 5-1. Quan hệ giữa biến đổi khí hậu – suy giảm tài nguyên và di dân



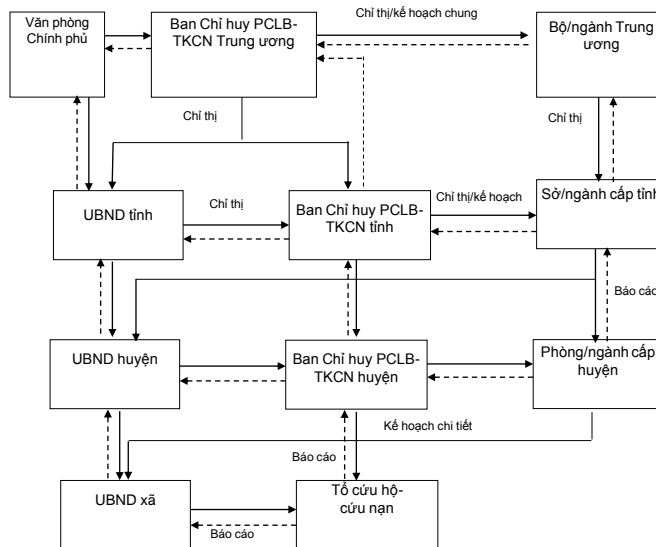
5.3. Dự báo và ứng phó với rủi ro thiên tai trong tương lai

- 5.3.1. Truyền thông về rủi ro thiên tai
- 5.3.2. Các biện pháp công trình
- 5.3.3. Sử dụng đất và bảo vệ hệ sinh thái
- 5.3.4. Dự trữ và chia sẻ nhu yếu phẩm
- Các điểm nhấn quan trọng của Mục 5.3 là:
 - Các địa phương có nghiên cứu các mô hình dự báo và cảnh báo thiên tai cho địa phương.
 - Việc phối hợp xả lũ hồ chứa với công tác dự báo lũ, chỉ đạo phòng chống lũ đang được Bộ TN&MT lưu ý và tiến hành, ví dụ Quy trình xả lũ trên sông Ba hay Quy trình xả lũ liên hồ chứa: A Vương, Dak Mi 4 và Sông Tranh 2 trong mùa lũ hàng năm ở lưu vực sông Vu Gia - Thu Bồn, tỉnh Quảng Nam.
 - Một ví dụ có thể tham khảo là ở thành phố Cần Thơ, chính quyền địa phương đã sớm nhận thức các nguy cơ trong tương lai tương tự như ở các thành phố lớn như Hà Nội, Hồ Chí Minh hay Bangkok, một kế hoạch quản lý nước vùng đô thị đã được đề xuất, bao gồm dự án “Nâng cấp đô thị Việt Nam, Tiểu Dự án Cần Thơ” của NHTG và UBND TP Cần Thơ (2003), dự án nghiên cứu ngưỡng chịu đựng độ mặn theo ngành nghề ở thành phố Cần Thơ, dự án nghiên cứu chống ngập, đề xuất quản lý nước mặt thành phố Cần Thơ.
 - Mô hình trồng rừng ngập mặn ADAPTs do Trung tâm Nghiên cứu Phát triển xã hội (CSRĐ) trồng ở Thừa Thiên - Huế cho thấy đã góp phần làm cản sóng, cản gió ở khu vực đầm phá Tam Giang. Rừng ngập mặn gồm các loài cây bản địa như cây Tra Biển (*Thespesia populnea* (L), cây Bần Trắng (*Sonneratia alba* J.Sm in Rees), cây Mắm Biển (*Avicenia alba* BL) giúp giảm xói mòn và bảo vệ các khu dân cư và các công trình như đê bao, bến thuyền ở Thừa Thiên - Huế (Lê Quang Tiến, 2012).
 - Ví dụ huyện Tây Giang, tỉnh Quảng Nam bị cô lập do lụt của cơn bão số Ketsana năm 2009 kéo dài cả nửa tháng, nhưng bà con vẫn đủ lương thực thực phẩm để ăn mà không phải xin cứu trợ (JANI, 2011)

5.4. Nâng cao năng lực cộng đồng địa phương để quản lý rủi ro trong bối cảnh biến đổi khí hậu

- 5.4.1. Chủ động ứng phó và các hoạt động phòng ngừa
- 5.4.2. Tăng cường năng lực ra quyết định của địa phương
- 5.4.3. Nguồn lực xã hội
- 5.4.4. Lồng ghép với tri thức bản địa
- 5.4.5. Sáng kiến và hành động của tổ chức chính trị-xã hội địa phương
- Các điểm nhấn quan trọng của Mục 5.4 là:
 - Các tỉnh đều thành lập Ban Chỉ huy Phòng Chống Lụt bão và Tìm kiếm Cứu nạn (BCH. PCLB-TKCN) từ cấp tỉnh đến cấp xã/thôn
 - Phương châm “bốn tại chỗ”: chỉ huy tại chỗ; lực lượng tại chỗ; phương tiện, vật tư tại chỗ, và hậu cần tại chỗ là cách giao quyền làm chủ và trách nhiệm quản lý rủi ro của chính quyền và tổ chức cộng đồng cấp cơ sở
 - Các tổ chức xã hội đóng góp rất lớn trong việc nâng cao năng lực của cộng đồng đối với thiên tai, BĐKH nên các chương trình, dự án thích ứng với BĐKH, phòng chống thiên tai cần quan tâm đến các mối quan hệ này
 - Tri thức bản địa, hay kiến thức địa phương, là tri thức của cộng đồng cư dân được xây dựng và phát triển theo thời gian, có vai trò quan trọng trong đời sống và sản xuất của người dân, cũng như trong QLRRTT
 - Chính quyền địa phương đang từng bước đưa công tác phòng chống lụt bão và thích ứng với BĐKH vào kế hoạch phát triển của địa phương, đặc biệt trong quy hoạch phát triển đô thị

Cơ cấu tổ chức và điều phối của hệ thống phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn ở các cấp



5.5. Các thách thức và cơ hội ứng phó biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai

- 5.5.1. Những yếu tố ảnh hưởng trong ứng phó biến đổi khí hậu và quản lý rủi ro thiên tai
- 5.5.2. Chi phí quản lý rủi ro thiên tai và rủi ro từ cực đoan khí hậu
- 5.5.3. Những hạn chế trong ứng phó ở địa phương
- Các điểm nhấn quan trọng của Mục 5.5 là:
 - Các rủi ro thiên tai không giống nhau ở các vùng khác nhau. Ví dụ điển hình đặc điểm lũ ở vùng trung du phía Bắc và miền Trung (chủ yếu là lũ quét, lũ ống do lưu vực hẹp và ngắn, lũ lên rất nhanh, nước chảy xiết nhưng thời gian ngập ngắn, nước lũ rút nhanh, hoàn toàn khác với lũ ở vùng ĐBSCL, chủ yếu là lũ tràn do lưu vực rộng và dài nên nước lũ lên chậm nhưng thời gian ngập lũ kéo dài
 - Báo cáo chính thức của địa phương thường chú trọng đến thiệt hại và chi phí khắc phục của kết cấu hạ tầng công, trong khi đó thiệt hại về sinh kế, sức khỏe, nhà cửa của người dân và môi trường chưa được tính một cách đầy đủ
 - Mặc dù có những nỗ lực và thành tựu nhưng hiệu quả của công tác ứng phó với thiên tai ở địa phương còn những hạn chế. Bài học kinh nghiệm ứng phó với thiên tai trong thời gian qua rất có giá trị trong công tác ứng phó với ĐCKH trong tương lai

5.6. Chiến lược quản lý rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu

- 5.6.1. Lồng ghép vấn đề biến đổi khí hậu trong quy hoạch
- 5.6.2. Thích ứng dựa vào cộng đồng
- 5.6.3. Chia sẻ rủi ro ở cấp địa phương
- 5.6.4. Khung chuyển đổi cho chiến lược quản lý
- Các điểm nhấn quan trọng của Mục 5.6 là:
 - Việc xây dựng các kế hoạch thích ứng với BĐKH tương ứng với các kịch bản BĐKH và điều kiện thời tiết ở từng địa phương và lồng ghép BĐKH và GNRRTT vào các quy hoạch phát triển của địa phương có nhiều ý nghĩa cho sự phát triển bền vững trong hiện tại và tương lai.
 - Qua hơn 10 năm triển khai ở Việt Nam, Chương trình quản lý rủi ro dựa vào cộng đồng (CBDRM) được đánh giá cao nên Thủ tướng Chính phủ (2009c) đã phê duyệt đề án nâng cao nhận thức cộng đồng và QLRRTT dựa vào cộng đồng cho 6.000 làng xã thường bị thiên tai trên toàn quốc (Quyết định số 1002/QĐ-TTg ngày 13/7/2009)
 - Hiện nay việc bảo hiểm thiên tai cho người dân ở Việt Nam chưa được phổ biến nhiều, các chia sẻ rủi ro thường không được chia sẻ chính thức mà chủ yếu dựa vào mối quan hệ họ hàng, làng xã giúp đỡ nhau, sự hỗ trợ của các tổ chức xã hội như các hội phụ nữ, hội nông dân, hay sự giúp đỡ của các tổ chức dân sự như các tổ chức phi chính phủ.
 - Hầu hết, thành phần nhận sự chưa chuyên nghiệp, cán bộ phụ trách thường được chỉ định từ những tổ chức khác nhau với cơ chế kiêm nhiệm cho công tác QLRRTT nên đạt hiệu quả chưa cao

5.7. Hạn chế dữ liệu, thông tin và nghiên cứu ở cấp địa phương

- Vấn đề:
 - Khả năng tiếp cận và trình độ tiếp nhận của người dân và chính quyền địa phương
 - Chất lượng của dữ liệu và thông tin
 - Tính rõ ràng/dễ hiểu của thông tin đối với từng đối tượng tiếp cận
- Dữ liệu và thông tin cho công tác ứng phó thiên tai và thích ứng BĐKH rất nhiều và đa dạng. Để có thể quản lý được dữ liệu một cách hiệu quả, cần có các hệ thống thông tin địa lý (GIS) để tích hợp các dữ liệu không gian và phi không gian từ nhiều nguồn và cấp độ chi tiết khác nhau.

5.8. Kết luận

- Việc QLRRTT và khí hậu cực đoan ở cấp địa phương có một ý nghĩa lớn trong việc nâng cao khả năng ứng phó, thích ứng và phục hồi với những rủi ro do thiên tai. Nếu có cơ chế quản lý thiên tai tốt ở địa phương, thiệt hại về người và tài sản sẽ được giảm thiểu, giúp phục hồi nhanh các hoạt động xã hội sau thiên tai
- Do các thách thức ngày càng lớn của thiên tai, BĐKH cũng như an ninh nguồn nước ở Việt Nam, các cơ quan quản lý tài nguyên và cộng đồng địa phương phải có liên kết, có cam kết chính trị và đầu tư tài chính hiệu quả trong việc kiểm kê, quy hoạch, khai thác, phân phối, sử dụng và bảo vệ môi trường nước
- Các địa phương nên phối hợp với các khoa học để tìm ra các biện pháp thích nghi hợp lý cho cộng đồng

**Xin cảm ơn sự lắng nghe
của quý vị đại biểu**